TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2025/QĐST-DS	*Thuận Nam, ngày 23 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 78/2024/TLST-DS ngày 16/10/2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L - sinh năm: 1956; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị N – sinh năm 1995; trú tại: Khu phố E, phường B, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X - sinh năm: 1965; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1972;
- Ông Nguyễn Văn M - sinh năm 1973;
- Bà Nguyễn Thị N1 - sinh năm 1977;
- Ông Nguyễn Văn M1 (chết năm 2024) có vợ và 01 người con gồm:

+ Bà Nguyễn Thị L1 - sinh năm 1967;

+ Chị Nguyễn Thị Xuân L2 - sinh năm 2003;

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Thị L3 - sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Căn cứ Trích lục đo đạc bản đồ địa chính số: 170/2025 ngày 24/3/2025 của Văn phòng Đ1 - C, các đương sự thỏa thuận chia bằng hiện vật diện tích đất 10.964m^2 thuộc thửa 172 tờ bản đồ số 47 xã P, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số DA 805334 ngày 27/5/2021, cụ thể như sau:

- Chia cho bà Nguyễn Thị X phần đất diện tích 1.600m^2 nằm ở hướng đông giáp thửa đất số 22; kích thước được mô tả: Chiều ngang là cạnh chứa các điểm (1, 2, 3) giáp đường đi rẫy kéo từ điểm 3 về hướng cạnh chứa các điểm (1,11) đủ 25m, chiều dài là cạnh chứa các điểm (3, 4, 5, 6, 7) kéo về hướng cạnh chứa các điểm (1, 11) sao cho đủ diện tích 1.600m^2. Hiện trạng đất chỉ có cây dại, không có tài sản của ai.

- Chia cho bà Nguyễn Thị L phần đất diện tích còn lại *(bao gồm cả diện tích ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L3, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn M1 (đã chết) do vợ Nguyễn Thị L1 và con Nguyễn Thị Xuân L2 tặng cho)* tổng cộng 9.364m^2 nằm ở hướng tây giáp thửa đất số 20; kích thước được mô tả: Chiều ngang là cạnh chứa các điểm (1, 2, 3) giáp đường đi rẫy kéo từ điểm 1 về hướng cạnh chứa các điểm (3, 4, 5, 6, 7) là 147.7m, chiều dài là cạnh chứa các điểm (1, 11) kéo về hướng cạnh chứa các điểm (3, 4, 5, 6, 7) diện tích 9.364m^2. Hiện trạng đất chỉ có cây dại, không có tài sản của ai.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị X tự liên hệ cơ quan quản lý đất đai để chỉnh lý và đăng ký cấp quyền sử dụng diện tích đất đã chia theo đúng vị trí và hình thể các bên đã thỏa thuận, thể hiện tại Trích lục đo đạc bản đồ địa chính số 170/2025 ngày 24/3/2025 của Văn phòng Đ1 - C. Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 805334 ngày 27/5/2021 cho cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa theo quy định khi bà X có yêu cầu.

(Có kèm theo trích lục)

Về chi phí định giá: Số tiền chi phí định giá và trích lục đã chi phí tổng cộng 5.987.650đ do nguyên đơn tạm ứng. Các đương sự đều phải chịu, cụ thể: 5.987.650đ : 7 người = 855.378,đ. Bà X đã hoàn trả cho bà L 855.000,đ nên không phải thực hiện nghĩa vụ khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Bà L chịu toàn bộ số tiền còn lại 5.132.650đ đã tạm ứng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị X.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần đất được tặng cho là **12.807.620đ**, tính như sau: 10.964m^2 - 1.600m^2 - 1.566.287m^2 = 7.797,713m^2 x 69.300đ/m^2 = 540.381.000đ = 20.000.000đ + 5.615.240đ = 25.615.240,đ : 2 = 12.807.620đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Thức